

Số: 2224/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương và kinh phí thực hiện dự án: Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2797/TTr-SXD ngày 08 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện dự án: Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020 với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020.

2. Thời gian thực hiện: năm 2020

3. Phạm vi thực hiện: Địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Nội dung công việc:

a) Khảo sát, thu thập số liệu về thông tin, giá nhà ở và bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho từng khu vực; tổng hợp, tính toán số liệu thu thập; báo cáo kết quả định kỳ: tháng, quý, 6 tháng, cả năm.

b) Khảo sát, thu thập số liệu, xác định tỷ trọng gốc và tính toán, xác định Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản và Chỉ số lượng giao dịch bất động sản các quý và năm để công bố.

c) Cơ sở dữ liệu về nhà ở địa phương gồm:



- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở và đất ở do địa phương ban hành theo thẩm quyền;

- Số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo của các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở tại địa phương;

- Các thông tin, dữ liệu về chương trình, kế hoạch phát triển nhà của địa phương; thông tin cơ bản, số lượng các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; số lượng và diện tích từng loại nhà ở; diện tích đất để đầu tư xây dựng nhà ở;

- Số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn;

- Số lượng, diện tích nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước, tập thể, cá nhân và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

- Cơ sở dữ liệu về nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng;

- Các biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở;

- Số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà;

- Công tác quản lý nhà chung cư;

- Các chỉ tiêu thống kê khác về nhà ở tại địa phương.

d) Cơ sở dữ liệu về thị trường bất động sản địa phương gồm:

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thị trường bất động sản do địa phương ban hành theo thẩm quyền;

- Số lượng, tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo;

- Tình hình giao dịch bất động sản gồm các thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch;

- Các thông tin, dữ liệu về các khoản thu ngân sách từ đất đai và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản;

- Cơ sở dữ liệu về sàn giao dịch bất động sản;

- Số lượng nhà ở cho thuê và các loại bất động sản quy định tại điểm c, d, đ khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 117/2015/NĐCP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, gồm các thông tin:

- + Đất nền cho xây dựng nhà ở;

- + Nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư;

- + Văn phòng;

- + Khách sạn;

- + Mặt bằng thương mại, dịch vụ;

- + Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

- + Khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng.

- Các chỉ tiêu thống kê khác về tình hình phát triển thị trường bất động sản tại địa phương. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường

bất động sản phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản:

- + Từ các báo cáo định kỳ và đột xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;
- + Từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;
- + Từ dữ liệu sẵn có về nhà ở và thị trường bất động sản;
- + Từ số liệu điều tra, khảo sát;
- + Hình thức khác.

5. Sản phẩm của dự án:

- a) Báo cáo kết quả điều tra, thu thập dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo từng kỳ: Tháng, quý, 6 tháng, năm.
- b) Báo cáo Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo từng kỳ: Quý, năm.
- c) Báo cáo Chỉ số lượng giao dịch một số loại bất động sản năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo từng kỳ: Quý, năm.

6. Dự toán kinh phí thực hiện dự án:

Tổng kinh phí thực hiện cho giai đoạn chuẩn bị dự án và giai đoạn thực hiện dự án cho năm 2020: 1.232.288.111 đồng (làm tròn 1.232.000.000 đồng), trong đó:

- a) Chi phí tư vấn lập đề cương nhiệm vụ và dự toán thực hiện dự án: 28.500.000 đồng.
- b) Chi phí thu thập, tổng hợp, tính toán số liệu thông tin nhà ở và thị trường bất động sản các tháng, quý và năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: 600.927.711 đồng.
- c) Chi phí thu thập số liệu, tính toán Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản và Chỉ số lượng giao dịch bất động sản các tháng, quý và năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: 588.867.368 đồng.
- d) Chi phí khác: 13.993.032 đồng.

7. Tổ chức thực hiện:

- a) Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- b) Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai.
- c) Đơn vị tư vấn lập đề cương: Viện nghiên cứu Kinh tế Xây dựng và Đô thị.

Điều 2. Sở Xây dựng có trách nhiệm lập dự toán hằng năm gửi Sở Tài chính để bố trí kinh phí thực hiện dự án nêu trên để Sở Xây dựng có kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, Tan.
- <D:\2020\UBT\Tham mưu\>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh